

Số: **842/ICV-BSC**

V/v: Công bố thông tin về tình  
hình tài chính

Hà Nội, ngày **20** tháng **08** năm **2026**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Công ty cổ phần chứng khoán BIDV gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

### **1. Thông tin về doanh nghiệp**

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 111/GP-UBCK ngày cấp: 31/12/2010 nơi cấp: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Tầng 9 LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (024) 3935 2722, số fax giao dịch: (024) 3381 6699, địa chỉ thư điện tử: phongtraiphieu@bsc.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; kinh doanh chứng khoán phái sinh; cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh và thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.
- Mã số thuế: 0101003060

### **2. Tình hình tài chính**

- Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm (từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 30/06/2026).
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo (căn cứ trên báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty Cổ phần chứng khoán BIDV được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam):

| Chỉ tiêu                                                      | Kỳ trước (6 tháng đầu năm 2025) | Kỳ báo cáo (6 tháng đầu năm 2026) |
|---------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|
| <b>1. Vốn chủ sở hữu (đồng)</b>                               | <b>5.216.284.840.004</b>        | <b>5.695.829.407.486</b>          |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu                                   | 4.287.262.921.017               | 4.755.671.401.017                 |
| - Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế                         | -                               | -                                 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                           | 930.119.718.987                 | 940.158.006.469                   |
| - Chênh lệch đánh giá lại tài sản                             | (1.097.800.000)                 | -                                 |
| - Chênh lệch tỷ giá                                           | -                               | -                                 |
| <b>2. Tổng số nợ phải trả (đồng)</b>                          | <b>9.661.299.129.595</b>        | <b>13.790.620.784.503</b>         |
| - Nợ vay ngân hàng                                            | 7.277.400.000.000               | 11.768.834.000.000                |
| - Nợ vay từ phát hành trái phiếu                              | -                               | 300.000.000.000                   |
| + Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước      | -                               | 300.000.000.000                   |
| + Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước | -                               | -                                 |
| + Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế                   | -                               | -                                 |
| - Nợ phải trả khác                                            | 2.383.899.129.595               | 1.721.786.784.503                 |
| + Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán                    | 1.351.732.005.780               | 1.505.859.727.761                 |
| + Phải trả người bán ngắn hạn                                 | 1.540.833.151                   | 2.489.553.973                     |
| + Người mua trả tiền trước ngắn hạn                           | 411.500.000                     | 369.000.000                       |
| + Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                         | 44.386.967.646                  | 38.129.693.014                    |
| + Phải trả người lao động                                     | 24.592.884.133                  | 17.697.541.338                    |
| + Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên                      | -                               | 221.859.290                       |
| + Chi phí phải trả ngắn hạn                                   | 23.844.871.230                  | 48.174.835.923                    |
| + Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác                  | 1.411.768.797                   | 286.026.064                       |

| Chỉ tiêu                                                                   | Kỳ trước (6 tháng đầu năm 2025) | Kỳ báo cáo (6 tháng đầu năm 2026) |
|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|
| + Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                                | 20.025.134.426                  | 33.100.931.635                    |
| + Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                                          | 17.453.599.769                  | 22.420.426.792                    |
| + Nợ khác                                                                  | 898.499.564.663                 | 53.037.188.713                    |
| <b>3. Cơ cấu vốn (lần):</b>                                                |                                 |                                   |
| - Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản                                           | 0,65                            | 0,71                              |
| - Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu                                         | 1,85                            | 2,42                              |
| <b>4. Khả năng thanh toán (lần):</b>                                       |                                 |                                   |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)                 | 1,5                             | 1,39                              |
| - Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho) / nợ ngắn hạn) | 1,5                             | 1,39                              |
| - Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)       | 2,57                            | 1,65                              |
| <b>5. Dư nợ trái phiếu đã phát hành/vốn chủ sở hữu (lần):</b>              |                                 |                                   |
| - Hệ số tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/vốn chủ sở hữu                  | -                               | 0,05                              |
| - Hệ số dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/vốn chủ sở hữu              | -                               | 0,05                              |
| <b>6. Lợi nhuận (đồng):</b>                                                |                                 |                                   |
| - Lợi nhuận/Lỗ trước thuế                                                  | 227.211.750.222                 | 262.902.104.544                   |
| - Lợi nhuận/Lỗ sau thuế trong năm tài chính                                | 183.014.779.333                 | 212.034.920.024                   |
| - Lỗ lũy kế (nếu có)                                                       | -                               | -                                 |
| <b>7. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%):</b>                               |                                 |                                   |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                                    | 1,23%                           | 1,09%                             |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                                  | 3,51%                           | 3,72%                             |

11  
ÔN  
Ô P  
NG  
311  
ÊM

| Chỉ tiêu                                                                                                                                | Kỳ trước (6 tháng đầu năm 2025)                    | Kỳ báo cáo (6 tháng đầu năm 2026)                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 8. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành (đối với công ty chứng khoán) (*) | 460,54% (đáp ứng được theo quy định của pháp luật) | 425,04% (đáp ứng được theo quy định của pháp luật) |

Các khoản vay bằng ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“VCB”), như sau:

Đơn vị: đồng

| Thời điểm lập BCTC Kiểm toán | Các khoản vay ngoại tệ chưa điều chỉnh | Các khoản vay ngoại tệ điều chỉnh theo tỷ giá bán của VCB | Chênh lệch    |
|------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------|
| 30/06/2026                   | 1.289.720.000.000                      | 1.296.834.000.000                                         | 7.114.000.000 |

Mức chênh lệch sau khi điều chỉnh tỷ giá ngoại tệ không lớn và không ảnh hưởng tới các hệ số nợ vay của Tổ Chức Phát Hành.

(\*) *Chỉ tiêu an toàn tài chính (Áp dụng theo thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung): lấy từ báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 đã được soát xét bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam.*

**3. Ý kiến của kiểm toán** đối với báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026 đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện: *(nêu rõ tên tổ chức kiểm toán và ý kiến của tổ chức kiểm toán):*

Tên tổ chức kiểm toán: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Ý kiến của tổ chức Kiểm toán (Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam): Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác, đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

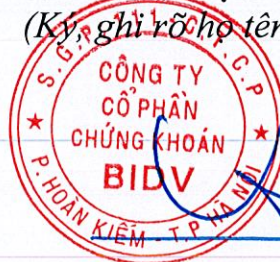
**NGƯỜI LẬP BIỂU**



*Nguyễn Minh Huyền*

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Phạm Xuân Anh*

Tài liệu kèm theo: Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty Cổ phần chứng khoán BIDV đã được soát xét

